

Số: 1090/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư
đặt hàng để tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2018**

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư;

Theo kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư đặt hàng để tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2018 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tổ chức thông báo nội dung nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn.

Giao Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và các Vụ chuyên ngành liên quan tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá các hồ sơ nhiệm vụ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả tuyển chọn.

Điều 3. Vụ trưởng Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VDG;
- Lưu: VT, HTQT.



Trần Quốc Khánh

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư đặt hàng để tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2018

(Kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

| TT | Tên nhiệm vụ NĐT | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu đối với kết quả | Phương thức tổ chức thực hiện | Ghi chú |
|----|---|---|--|-------------------------------|--|
| 1 | 2 | | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Hợp tác nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh Sayaboury, Luang Namtha và Bokeo, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. | Hoàn thiện được công nghệ sản xuất các chế phẩm vi sinh, phân hữu cơ và phân hữu cơ vi sinh phục vụ sản xuất ổn định, bền vững, từng bước nâng cao thu nhập của người dân tại các tỉnh Sayaboury, Luang Namtha và Bokeo, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. | <p>Dạng I:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 chủng vi sinh vật đối kháng, 02 chủng vi sinh vật kích thích sinh trưởng; - 05 loại chế phẩm vi sinh bản địa: chế phẩm vi sinh đối kháng, cố định nitơ, phân giải lân, kích thích sinh trưởng thực vật và chế phẩm ủ compost, mật độ tế bào vi sinh vật đạt 10⁸CFU/g, (200kg/chế phẩm); - Phân hữu cơ sinh học và phân hữu cơ vi sinh (từ than bùn, phụ phẩm nông nghiệp và phế thải chăn nuôi) áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và phù hợp với điều kiện sinh thái của Lào (500 tấn/mỗi loại); - 01 phòng thí nghiệm vi sinh vật được nâng cấp với trang thiết bị đảm bảo yêu cầu nghiên cứu và lưu giữ nguồn giống gốc và đánh giá chất lượng vi sinh vật; - 01 xưởng sản xuất phân bón hữu cơ sinh học và hữu cơ vi sinh quy mô 2.000 tấn/năm. <p>Dạng II:</p> <p>Tiêu chuẩn: Dự thảo Bộ tiêu chuẩn phục vụ chứng nhận chất lượng chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học và phân hữu cơ vi sinh đề xuất với các cơ quan chức năng của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.</p> <p>Quy trình công nghệ:</p> <p>Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh: đối kháng, cố định nitơ,</p> | Tuyển chọn | Nhiệm vụ Nghị định thư hợp tác với Lào |

phân giải lân, kích thích sinh trưởng thực vật, chế phẩm ủ compost;

- 02 quy trình sản xuất phân hữu cơ sinh học và hữu cơ vi sinh.

Mô hình: Mỗi tỉnh 4 mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh và phân bón hữu cơ (3 tỉnh x 4 mô hình = 12 mô hình), mỗi mô hình đại diện cho một nhóm cây trồng: cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau và cây ăn quả. Mô hình đạt hiệu quả sản xuất tăng từ 15-20%.

Dạng III: 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành của Việt Nam và Lào.

Dạng IV. Đào tạo: 01 thạc sỹ nông nghiệp.

